

Số: *21*...../NQ-HĐND

Tân Yên, ngày *25* tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách
nhà nước năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 13/12/2017 của UBND huyện về việc phân bổ Kế hoạch nguồn vốn đầu tư công năm 2018; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội và các ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2018, với số tiền: 111,7 tỷ đồng, bao gồm:

- GPMB, CSHT đấu giá QSD đất (bao gồm cả vay QĐT tỉnh): 19,0 tỷ đồng.
- Công tác Quy hoạch xây dựng: 0,4 tỷ đồng
- Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: 5,2 tỷ đồng.
- Hỗ trợ kiên cố hóa: 4,5 tỷ đồng.
- Trả nợ vốn vay quỹ tín dụng ưu đãi: 1,368 tỷ đồng.
- Hỗ trợ khác: 340 triệu đồng.
- Thực hiện giảm nợ đọng trong XD CB: 3,592 tỷ đồng.
- Đầu tư công trình xây mới: 47,2 tỷ đồng.
- Công trình xã làm chủ đầu tư: 18,6 tỷ đồng
- 10% công tác Quy hoạch, đo đạc và cấp GCN QSD đất: 9,0 tỷ đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, sử dụng vốn đầu tư công năm 2018, trường hợp có sự thay đổi vốn đầu tư giữa các công trình, dự án, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo bằng văn bản và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện sau đó trình Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Giao cho UBND huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

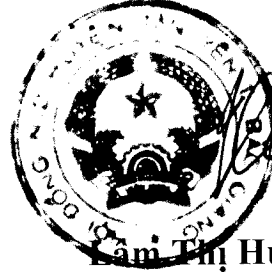
Thường trực HĐND huyện, các Ban HĐND huyện phối hợp với ủy ban MTTQ, các đoàn thể nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân huyện khóa XIX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang;
- Văn phòng HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực HĐND huyện;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XIX;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVHĐ.
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lam Thị Hương Thành

PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 25/12/2017 của HĐND huyện Tân Yên)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó					Ghi chú
			Vốn từ thu tiền đất sử dụng đất	Nguồn mục tiêu ngân sách trung ương	Vốn đầu tư có mục tiêu	Nguồn khác	...	
I	CHI ĐẦU TƯ	102.700	48.600	19.000	13.000	22.100	-	-
1	30% GPMB+ CSHT (bao gồm cả tiền vay QĐT tính)	19.000	19.000					Biểu 01
2	Quy hoạch xây dựng	400	400					Biểu 02
3	Hỗ trợ nông thôn mới	5.200	5.200					Biểu 03
4	Hỗ trợ kiên cố hóa	4.500	1.000		3.500			
5	Trả vốn tín dụng ưu đãi (dường cứu hộ cứu nạn)	1.368	1.368					
6	Hỗ trợ công tác khác	340	340					
7	Thực hiện giảm nợ công trình quyết toán	3.592	3.592					
8	Công trình xây mới	47.200	15.200	19.000			13.000	Biểu 05
9	Công trình XD/CB xã làm chủ đầu tư	18.600			9.500		9.100	
10	Hỗ trợ các xã, thị trấn KPVC làm đường BTXM theo NQ 07	2.500	2.500					
II	10% CHI ĐO ĐẠC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN	9.000	9.000	-	-	-	-	-
1	Chi 10% đo đạc, cấp GCN QSD đất, kiểm kê đất;	9.000	9.000					Biểu 06
	Tổng cộng	111.700	57.600	19.000	13.000	22.100	-	-

KẾ HOẠCH VỐN CHO CÔNG TÁC GPMB, XDCSHT NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2018			Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn thu từ tiền đất	Nguồn khác	
1	Chi công tác bồi thường GPMB	9.500	9.500		
2	Chi xây dựng CSHT và chuẩn bị đầu tư	5.000	5.000		
3	Trả quỹ đầu tư tỉnh	4.500	4.500		
	Tổng cộng	19.000	19.000		

KẾ HOẠCH VỐN CHO CÔNG TÁC QUY HOẠCH XÂY DỰNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Yên)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện	TMDT	DK kế hoạch vốn năm 2017	Ghi chú
	Tổng cộng		400	400	-
1	Lập Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc thị trấn Bì	Phòng KT&HT	400	400	

KẾ HOẠCH HỖ TRỢ CÁC XÃ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn thu từ tiền đất	
I	Xã về đích nông thôn mới năm 2018	2.000	2.000	
1	Đại Hóa	1.000	1.000	
2	Ngọc Châu	1.000	1.000	
II	Hỗ trợ xã về đích năm thứ nhất	200	200	
1	Việt Lập	100	100	Duy trì xã về đích năm 2017
2	Phúc Sơn	100	100	Duy trì xã về đích năm 2017
III	Hỗ trợ xã về đích năm thứ hai	200	200	
1	Quế Nham	100	100	Duy trì xã về đích năm 2016
2	Phúc Hòa	100	100	Duy trì xã về đích năm 2016
IV	Hỗ trợ xã về đích năm thứ ba	200	200	
1	Ngọc Lý	100	100	Duy trì xã về đích năm 2015
2	Cao Thượng	100	100	Duy trì xã về đích năm 2015
V	Hỗ trợ các xã triển khai XDNTM	2.600	2.600	
1	Lam Cốt	200	200	
2	Ngọc Vân	200	200	
3	Song Vân	200	200	

STT	Danh mục dự án	Dự kiến Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn thu từ tiền đất	
4	Ngọc Thiện	200	200	
5	Cao Xá	200	200	
6	Hợp Đức	200	200	
7	An Dương	200	200	
8	Nhã Nam	200	200	
9	Tân Trung	200	200	
10	Việt Ngọc	200	200	
11	Liên Chung	300	300	Xã khó khăn
12	Lan Giới	300	300	Xã khó khăn
	Tổng cộng	5.200	5.200	-

DANH MỤC DỰ ÁN XDCB CÁC CÔNG TRÌNH CẤP HUYỆN THỰC HIỆN NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Yên)

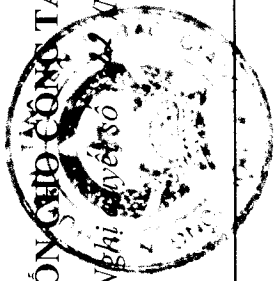
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2018				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	NSH (tiền đất)	NSH (tiền đất) khác	
A	TỔNG CỘNG	13	134.724	47.200	19.000	15.200	13.000	
I	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	1	92.524	19.000	19.000	-	-	
	Đường từ Cầu Liền Phúc Hòa - TT Cao Thượng đi Cao Xá - Lam Cốt, đến Hoàng Thanh Hiệp Hòa (25km)	1	92.524	19.000	19.000			Năm 2016: 14 tỷ; 2017: 22 tỷ
II	CÔNG TRÌNH XÂY MỚI	12	42.200	28.200	-	15.200	13.000	
1	Xây mới nhà làm việc trụ sở huyện ủy, HĐND, UBND huyện	1	8.500	5.000		3.000	2.000	
2	Công trình phụ trợ nhà khách, trụ sở tiếp dân huyện	1	900	600		600		
3	Cải tạo nâng cấp cầu Làng Ngọc (Việt Lập - Quế Nham)	1	9.500	5.000			5.000	
4	Cải tạo nâng cấp nhà lớp học TT Bồi dưỡng Chính trị huyện	1	1.000	1.000		1.000		
5	Xây mới và cải tạo nâng cấp công trình phụ trợ khu nhà làm việc khối các QLNN huyện	1	1.000	1.000		1.000		
6	Cải tạo nâng cấp nhà làm việc Phòng LĐTB&XH huyện	1	1.500	1.400		1.400		
7	Sửa chữa nâng cấp nhà Hội trường và phụ trợ trụ sở Phòng GD&ĐT	1	1.500	1.400		1.400		

STT	Danh mục dự án	Số dự án	TMDT	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2018				Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW	trong đó		
						NSH (tiền đất)	Nguồn khác	
8	Trận địa súng máy 14,5mm Lãng Cao xã Cao Xá	1	800	800		800		
9	Hệ thống đèn chiếu sáng từ đường nội thị đi Thị trấn Nhã nam	1	4.000	3.000		3.000		
10	Cải tạo nâng cấp đường Kênh chính (đoạn từ Kè Lữ Vân đi Song Vân)	1	6.000	3.000		3.000		
11	Đường Từ QL 17 vào Trung tâm chăm sóc TBB và Người có công	1	3.000	3.000			3.000	
12	Xây mới Hội trường TTBDCT huyện	1	4.500	3.000			3.000	

KẾ HOẠCH VỐN CHỈ CỘNG TÁC QUY HOẠCH, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN, ĐO ĐẶC NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2017 của HĐND huyện Tân Yên)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Đơn vị thực hiện	KH đơn vị đề nghị	DK Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	Tổng cộng		9.000	9.000	
1	Chi công tác Đo đạc và cấp giấy CNQSD đất sau theo dôn đổi ruộng	Phòng TN&MT	3.950	3.950	
2	Lập kế hoạch sử dụng đất huyện Tân Yên 2019	Phòng TN&MT	550	550	
3	Đo đạc, cấp GCNQSD đất theo dự án tại 6 xã: Phúc Hòa, Hợp Đức, Việt Lập, Nhà Nam, TT Nhã Nam, TT Cao Thượng	Phòng TN&MT	4.500	4.500	